| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SƠN DƯƠNG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **80**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2023
*V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Bàn Văn Thế

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Vượng

Ông Nguyễn Văn Quang

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70[a]/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** Chị Chu Thị L, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKT: Thôn N, xã N2, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở: Thôn Đồng Qụa, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Lục Văn T, sinh năm 1982. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn N, xã N2, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chu Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Chu Thị L) với anh Lục Văn T lấy nhau vào ngày 03/12/2006 (âm lịch), được hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị chung sống tại thôn N, xã N2, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hoà hợp, mâu thuẫn kéo dài mặc dù đã được hai bên gia đình hòa

giải nhiều lần nhưng không hiệu quả. Từ tháng 6/2022 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lục Văn T.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lục Thị T, sinh ngày 18/7/2008. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận để cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về vay nợ: Anh chị không cho ai vay nợ cũng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật, anh Lục Văn T không phải nộp án phí.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2023 bị đơn anh Lục Văn T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị L chung sống với nhau từ năm 2006 tại thôn N, xã N2, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi chung sống với nhau, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, tuy nhiên anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản do chị L tham gia vào hệ thống bán hàng đa cấp, không trú tâm vào cuộc sống gia đình, không chăm lo cho gia đình. Đến tháng 6 năm 2022 chị L chuyển về quê ngoại để sinh sống, anh và chị L ly thân từ đó đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên việc chị L yêu cầu ly hôn thì anh hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lục Thị T, sinh ngày 18/7/2008. Khi ly hôn, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung do chị L lựa chọn và được quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về vay nợ: Anh chị không cho ai vay nợ cũng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chu Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Chu Thị L và anh Lục Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lục Thị T, sinh ngày 18/7/2008 cho anh Lục Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thoả thuận; chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chị Chu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Chu Thị L và anh Lục Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn; chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh Lục Văn T, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của anh chị. Anh Lục Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Ninh Quý, xã N2, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 14; 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

*[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Chu Thị L và anh Lục Văn T chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, không có trường hợp nào có tên chồng là Lục Văn T vợ là Chu Thị L đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N2, huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 6 năm 2022; chị L yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và anh T nhất trí ly hôn với chị L.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Chị Chu Thị L và anh Lục Văn T chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, cần tuyên xử không công nhận chị Chu Thị L và anh Lục Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đã nhất trí thỏa thuận anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lục Thị T, sinh ngày 18/7/2008 và anh chị tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con; bản thân cháu T có nguyện vọng ở với anh T. Xét thỏa thuận của hai anh chị về con chung, nguyện vọng của cháu T, Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh Lục Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị L và anh T tự thỏa thuận; chị L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[3] Về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo:*

Chị Chu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Chu Thị L và anh Lục Văn T là vợ chồng.

**2**. Về con chung: Giao cháu Lục Thị T, sinh ngày 18/7/2008 cho anh Lục Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thoả thuận. Chị L được quyền thăm con chung không ai được cản trở.

**3**. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Chu Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002710 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Lục Văn T không phải nộp án phí.

**4**. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã N2;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bàn Văn Thế**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Vượng - Nguyễn Văn Quang Bàn Văn Thế**